

Số: 657/2024/QĐST-HNGĐ

Quận G, ngày 25 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Khoản 4 Điều 397; Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” thụ lý số 410/2024/HNST ngày 26 tháng 6 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu:

1. Bà **Lữ Thanh L**, sinh năm 1979;

Địa chỉ: **Số F T, phường T, Quận G, Thành Phố Hồ Chí Minh.**

2. Ông **Trần Mạnh H**, sinh năm 1974;

Địa chỉ: **Số F T, phường T, Quận G, Thành Phố Hồ Chí Minh.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân:

Bà **Lữ Thanh L** và ông **Trần Mạnh H** qua một thời gian tìm hiểu thì cả hai tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân phường A, huyện C, tỉnh Bến Tre** (Giấy chứng nhận kết hôn số 31 quyển số 01/2006 do **Ủy ban nhân dân phường A, huyện C, tỉnh Bến Tre** 31/5/2006).

Vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, thì xảy ra mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên

cãi vã. Cả hai đã cùng nhau khắc phục để thống nhất được quan điểm sống nhưng mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn, ông bà không còn yêu thương nhau.

Hiện nay, bà **Lữ Thanh L** và ông **Trần Mạnh H** xác nhận tình cảm vợ chồng không còn, không thể hòa hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà **Lữ Thanh L** và ông **Trần Mạnh H** cùng yêu cầu được thuận tình ly hôn.

[2] Về con chung: Bà **Lữ Thanh L** và ông **Trần Mạnh H** có 02 người con chung họ tên là:

1. **Trần Mạnh D**, sinh ngày 08/3/2005. (Trưởng thành)
2. **Trần Hùng A**, sinh ngày 17/6/2006. (Trưởng thành)

[3] Về tài sản chung: Bà **Lữ Thanh L** và ông **Trần Mạnh H** xác nhận tự thoả thuận, không yêu cầu Toà giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà **Lữ Thanh L** và ông **Trần Mạnh H** xác nhận không có nợ chung.

[5] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Bà **Lữ Thanh L** và ông **Trần Mạnh H** phải chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

[1.1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Lữ Thanh L** và ông **Trần Mạnh H** thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 31 quyển số 01/2006 do Ủy ban nhân dân phường A, huyện C, tỉnh Bến Tre 31/5/2006 không còn giá trị pháp lý).

[1.2]. Về con chung: Bà **Lữ Thanh L** và ông **Trần Mạnh H** có 02 người con chung họ tên là:

1. **Trần Mạnh D**, sinh ngày 08/3/2005. (Trưởng thành)
2. **Trần Hùng A**, sinh ngày 17/6/2006. (Trưởng thành)

[1.3]. Về tài sản chung: Bà **Lữ Thanh L** và ông **Trần Mạnh H** xác nhận tự thoả thuận, không yêu cầu Toà giải quyết.

[1.4]. Về nợ chung: Không có.

[2]. Về lệ phí việc dân sự sơ thẩm: Bà **Lữ Thanh L** và ông **Trần Mạnh H** phải chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu ký hiệu BLTU/23P số 0019505 ngày 26/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Vậy bà **Lữ Thanh L** và ông **Trần Mạnh H** đã nộp đủ lệ phí việc dân sự sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 1, 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

[3]. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Q.7, TP HCM;
- C/c THADS Q.7, TP HCM;
- C/ q đã thực hiện việc Đ KKH;
- Lưu hồ sơ vụ án (Tk V.Phương).

THẨM PHÁN

Trương Như Thủy